Bộ, tỉnh: Tây Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh
Mã đơn vị: 1023459
Loại hình đơn vị: Cơ quan hành chính nhà nước

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC NĂM 2021

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	**Xe ô tô**		**6**	**3,600,951,300**	**3,600,951,300**	**-**	**1,520,946,652**	-	-	-	-	-	-	-
1	Xe ô tô Toyota ZACE 7 chỗ BS: 70B-0777	Cơ quan	1	462,500,000	462,500,000		-		X					
2	Xe ô tô Toyota Corolla-Altis 4 chỗ BS: 70B-0629	Cơ quan	1	289,300,000	289,300,000		9,604,760		X					
3	Xe ô tô TOYOTA LAND CRUISER-GX 7 chỗ BS: 70B-0377	Cơ quan	1	315,000,000	315,000,000		293,989,500		X					
4	Xe ô tô 7 chỗ Toyota Zace 70B-0538	Cơ quan	1	479,831,300	479,831,300		-		X					
5	Xe ô tô 16 chỗ FORD TRANSIT 70A-002.32	Cơ quan	1	916,000,000	916,000,000		610,514,000		X					
6	Xe tô Toyota Hiace 16 chỗ BS: 70A-001.92	Cơ quan	1	1,138,320,000	1,138,320,000		606,838,392			X				
II	**Tài sản cố định khác**		**171**	**6,065,229,921**	**6,065,229,921**	**-**	**858,381,075**							
1	Máy vi tính bộ CMS A3434	PB Mai (cũ)	1	10,950,000	10,950,000		-							

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Nga	1	12,950,000	12,950,000		-							
3	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	PCVP Thư	1	12,950,000	12,950,000		-							
4	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	PB Mai (cũ)	1	12,950,000	12,950,000		-							
5	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Nhung	1	12,950,000	12,950,000		-							
6	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Hương	1	12,950,000	12,950,000		-							
7	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Nhàn	1	12,950,000	12,950,000		-							
8	CPU Intel Core i5-6400	Nga	1	11,700,000	11,700,000		-							
9	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Dung	1	12,970,000	12,970,000		2,594,000							
10	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Cẩn	1	12,970,000	12,970,000		2,594,000							
11	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Ninh	1	12,970,000	12,970,000		2,594,000							
12	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Phương	1	12,970,000	12,970,000		2,594,000							
13	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Thảo	1	12,970,000	12,970,000		2,594,000							
14	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Nhi	1	12,970,000	12,970,000		2,594,000							

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
15	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Phước	1	12,970,000	12,970,000		2,594,000							
16	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Hường	1	12,970,000	12,970,000		2,594,000							
17	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Trung	1	12,970,000	12,970,000		2,594,000							
18	Máy vi tính lắp ráp MASTER	Kho (P.CTQH)	1	12,400,000	12,400,000									
19	Máy vi tính bộ ASUS	Kho (P.CTQH)	1	12,950,000	12,950,000		2,590,000							
20	Máy tính xách tay Surface Pro 4	ĐB HĐND	50	2,037,500,000	2,037,500,000		-							
21	Máy tính xách tay Surface Pro 4	Kho	5	203,750,000	203,750,000		-							
22	Máy tính xách tay HP Probook 440G6	CVP Khánh	1	14,500,000	14,500,000		8,700,000							
23	Máy tính xách tay HP Probook 440G7	Trong PCT (cũ)	1	14,500,000	14,500,000		8,700,000							
24	Máy tính HP Probook 440G8	Hiếu KT	1	15,000,000	15,000,000		12,000,000							
25	Máy tính HP Probook 440G8	Cường VH	1	15,000,000	15,000,000		12,000,000							
26	Máy tính HP Probook 440G8	Chi PC	1	15,000,000	15,000,000		12,000,000							
27	Máy tính HP Probook 440G8	Khánh PC	1	15,000,000	15,000,000		12,000,000							
28	Máy tính HP Probook 440G8	PCT Thy	1	15,000,000	15,000,000		12,000,000							

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
29	Máy vi tính xách tay HP (Đen)	P.HCTCQT (Hư)	1	14,750,000	14,750,000									
30	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron	P.HCTCQT (Hư)	1	28,600,000	28,600,000									
31	Máy vi tính xách tay HP Probook 430G4 Z6T06PA (Bạc)	Phòng HCTCQT (A.Dung)	1	13,000,000	13,000,000		2,600,000							
32	Máy vi tính xách tay HP Probook 430G4 Z6T06PA (Bạc)	Phòng CTQH (Ngọc)	1	13,000,000	13,000,000		2,600,000							
33	Máy chiếu Sony, màn chiếu	Phòng họp 1	1	38,904,024	38,904,024		-							
34	Máy photocopy IR 2525 Canon	Văn Thư	1	84,628,500	84,628,500									
35	Máy in siêu tốc Duplo DP-T450	Văn Thư	1	190,230,000	190,230,000									
36	Máy photo Canon IR2530	Văn Thư	1	63,500,000	63,500,000		15,875,000							
37	Máy photo Canon IR2635	Văn Thư	1	90,000,000	90,000,000		78,750,000							
38	Máy Photocoppy Canon IR2530	P.HCTCQT (Kế toán)	1	63,500,000	63,500,000		23,812,500							
39	Máy Photocoppy Canon IR2530W	P.HCTCQT (Văn Thư)	1	89,850,000	89,850,000		44,925,000							
40	Tivi Sony 29 inch	Phục vụ	1	15,490,000	15,490,000									
41	Máy ảnh Sony DSC-HX90V	P.HCTCQT	2	30,000,000	30,000,000									
42	Máy ảnh Nikon	P.HCTCQT	1	31,000,000	31,000,000									
43	Bộ điều khiển trung tâm Bosh CCS-CUD	Phòng họp 1	1	28,840,000	28,840,000		17,304,000							

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
44	Máy lạnh Toshiba 18WP	Khánh CVP	1	10,599,999	10,599,999									
45	Máy lạnh 2HP	Thy PCT	1	14,350,600	14,350,600									
46	Máy lạnh 2HP	Chi PC	1	14,350,600	14,350,600									
47	Máy lạnh 2HP	Khánh PC	1	14,350,600	14,350,600									
48	Máy lạnh 2HP	Tấn KT	1	14,350,600	14,350,600									
49	Máy lạnh 2HP	Hùng	1	14,350,600	14,350,600									
50	Máy lạnh Toshiba 2HP	Phong PCT	1	15,900,000	15,900,000		7,950,000							
51	Máy lạnh Toshiba	Phó TĐ	1	17,560,000	17,560,000		10,975,000							
52	Máy lạnh Toshiba	P.HCTCQT (Kế toán)	1	17,560,000	17,560,000		10,975,000							
53	Máy lạnh Toshiba	PCVP (Chi)	1	17,560,000	17,560,000		10,975,000							
54	Máy lạnh Toshiba	P.HCTCQT (Nhàn)	1	19,831,500	19,831,500		12,394,688							
55	Máy lạnh Toshiba	P.CTQH	1	19,831,500	19,831,500		12,394,688							
56	Bàn làm việc (Chủ tịch)	Thy PCT	1	13,860,000	13,860,000									
57	Bàn làm việc (PCT)	Chi PC	1	11,880,000	11,880,000									
58	Bàn làm việc (PCT)	Phong PCT	1	11,880,000	11,880,000									
59	Salon gỗ (lễ tân)	Lễ tân	1	77,000,000	77,000,000									

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
60	Salon triện cột (Chủ tịch)	Thy PCT	1	33,660,000	33,660,000									
61	Salon mẫu đào (Phó CT)	Chi PC	1	24,750,000	24,750,000									
62	Salon mẫu đào (Phó CT)	Phong PCT	1	24,750,000	24,750,000									
63	Salon muồn gỗ cẩm thị (CVP)	Thư PCVP	1	17,820,000	17,820,000									
64	Salon mẫu Đài Loan	Cường VH	1	11,275,000	11,275,000									
65	Salon mẫu Đài Loan	Mai PCVP	1	11,275,000	11,275,000									
66	Salon mẫu Đài Loan	Tấn KT	1	11,275,000	11,275,000									
67	Salon mẫu Đài Loan	Phó đoàn Thúy	1	11,275,000	11,275,000									
68	Bộ bàn ghế Salon cẩm	P. PB KTNS (Hiếu)	1	12,600,000	12,600,000									
69	Bộ bàn ghế Salon cẩm	PCVP (Chi)	1	13,935,000	13,935,000									
70	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	7	115,500,000	115,500,000									
71	Bàn Oval 20 chỗ	Phòng họp 2	1	38,610,000	38,610,000									
72	Bàn họp 550x2100x760mm	Phòng họp 1	2	20,000,000	20,000,000									
73	Bộ bàn ghế họp Hòa Phát (01 bàn 3.600m, 01 ghế chủ tọa, 10 ghế họp lưng trung)	Khánh tiết Trụ sở Đoàn ĐBQH	1	27,300,000	27,300,000		20,475,000							
74	Tủ tài liệu (CT)	Thy PCT	1	13,860,000	13,860,000									

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
75	Tủ trưng bày (CT)	Chi PC	1	11,880,000	11,880,000									
76	Tủ tài liệu (PCT)	Phó đoàn Thúy	1	11,880,000	11,880,000									
77	Tủ tài liệu (PCT)	Phong PCT	1	11,880,000	11,880,000									
78	Máy chủ Dell Power Edge R710 Rack mount Server	P. Máy chủ	1	88,515,900	88,515,900									
79	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	P.HCTCQT	1	21,000,000	21,000,000									
80	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	P.HCTCQT	1	21,000,000	21,000,000									
81	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	P.HCTCQT	1	21,000,000	21,000,000									
82	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	P.HCTCQT	1	21,000,000	21,000,000									
83	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	P.HCTCQT	1	21,000,000	21,000,000									
84	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	P.HCTCQT	1	21,000,000	21,000,000									
85	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	P.HCTCQT	1	21,000,000	21,000,000									
86	Thiết bị chuyển mạch 24port Cisco WS-C2960 + 24TC-S	P.HCTCQT	1	14,000,000	14,000,000									
87	Thiết bị chuyển mạch 24port Cisco WS-C2960 + 24TC-S	P.HCTCQT	1	14,000,000	14,000,000									

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
88	Thiết bị lưu điện UPS APC Smart-UPS 2200VA	P.HCTCQT	1	18,000,000	18,000,000									
89	Thiết bị lưu điện UPS APC Smart-UPS 2200VA	P.HCTCQT	1	18,000,000	18,000,000									
90	Draytek Vigor 3900 Router Firewall	P.HCTCQT	1	22,000,000	22,000,000									
91	Draytek Vigor 3900 Router Firewall	P.HCTCQT	1	22,000,000	22,000,000									
92	Máy scan Canon DR 3010C	Kho	1	24,420,000	24,420,000									
93	Máy scan Canon DR C125	Văn thư	1	19,000,000	19,000,000									
94	Máy scan HP 7000S3	Văn thư	1	22,000,000	22,000,000		17,600,000							
95	Màn sáo 1,9 x 1,5 m	Phòng họp 2	1	15,518,250	15,518,250									
96	Màn vải gấm + von 7,8 x 2,1 m	Phòng họp 2	1	10,090,080	10,090,080									
97	Phông hội trường + lễ tân	Lễ tân	1	14,392,224	14,392,224									
98	Thảm nền	Phòng họp 1	1	34,978,944	34,978,944									
99	Màn cửa gấm + von TQ	Phòng họp 1	1	43,686,000	43,686,000									
100	Thảm sân khấu	Phòng họp 1	1	64,000,000	64,000,000									
101	Máy phát điện chạy tự động Emerson Liebert ITA	Lầu 1	1	300,000,000	300,000,000		75,000,000							
102	Cây xanh, hòn non bộ		1	59,600,000	59,600,000		-							

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
103	Phần mềm Microsoft Window Small		1	22,122,000	22,122,000		-							
104	Phần mềm Microsoft MS		1	25,804,000	25,804,000		-							
105	Phần mềm Kế toán Misa 2017		1	13,500,000	13,500,000		-							
106	Phần mềm phục vụ trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH-HĐND		1	442,990,000	442,990,000		-							
107	Phần mềm kế toán Misa	P.HCTCQT (A.Thư)	1	9,850,000	9,850,000									
108	Thiết bị hội nghị truyền hình Group 500-12x	Phòng họp 1	1	334,049,000	334,049,000		267,239,200							
109	Smart Tivi 85 inch QA85Q70A	Phòng họp 1	1	77,000,000	77,000,000		61,600,000							
110	Smart Tivi 85 inch QA85Q70A	Phòng họp 1	1	77,000,000	77,000,000		61,600,000							
Tổng cộng			**177**	**9,666,181,221**	**9,666,181,221**	**-**	**2,379,327,727**							

Ngày 09 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Lê Thị Anh Thư

Thủ trưởng đơn vị

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Nguyễn Tuyết Thư